

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Chồng, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hoàng Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2579/STNMT-CCBVMT ngày 22/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Chồng, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hoàng Việt;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối tại núi Đá Chồng, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 52/CV-HV ngày 03/12/2022 của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hoàng Việt;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1104/TTr-STNMT ngày 21/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Sản xuất thương mại Hoàng Việt (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Đá Chồng, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Nhơn;
- Công ty TNHH SXTM Hoàng Việt;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG CÓ THU HỒI ĐÁ KHỐI TẠI NÚI ĐÁ CHỒNG,
XÃ CÁT NHƠN, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀNG VIỆT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối.
- Địa điểm thực hiện: núi Đá Chồng, xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hoàng Việt.
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 10, khu vực 2, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0982 417 028 (Ông Trần Xuân Hải - Giám đốc Công ty).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: Tổng diện tích dự án 3,68 ha (trong đó: diện tích khai trường khai thác là 2,64 ha và diện tích sân công nghiệp 1,04 ha). Chủ dự án có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai, khoáng sản trước khi tiến hành triển khai dự án.
- Tuổi thọ mỏ: 20 năm.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Công suất dự án: 35.000 m³ đá địa chất/năm (bao gồm: Đá khối làm đá ốp lát khoảng 5.000 m³/năm, đá làm vật liệu xây dựng thông thường 30.000 m³/năm).

1.3. Phương pháp khai thác: Áp dụng hệ thống khai thác hỗn hợp (lớp đứng và lớp bằng) theo hướng từ trên xuống, với chiều cao tầng khai thác h = 5m, kết thúc khai thác cos +36 m. Vị trí mở moong khai thác phía Nam dự án tại điểm mốc 01.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Hạng mục công trình: hệ thống cửa xẻ đá ốp lát bố trí tại khu vực Khai trường; xưởng cửa xẻ đá tại sân công nghiệp; nhà điều hành; trạm biến áp; tuyến đường tạm trong mỏ, 01 bãi chứa đá thành phẩm, 01 bãi chứa đá nguyên khai,...
- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:
- + Nhà vệ sinh (có bể tự hoại).

- + Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.
- + Xử lý nước thải: 01 hồ lắng phía Tây Nam sân công nghiệp; 01 hồ lắng phía Đông Nam sân công nghiệp; 01 hồ lắng phía Tây Bắc dự án; Bể thu gom, xử lý, tuần hoàn nước thải của xẻ đá.
- + 01 bãi lưu chứa bột đá, 01 bãi chứa đất tầng phủ phục hồi môi trường.
- Các hoạt động của dự án:
 - + Bốc đất tầng phủ.
 - + Khai thác đá khối (sử dụng: khoan, vật liệu nổ, máy cắt bằng dây, cửa đĩa); mài thô, đánh bóng đá, cắt quy cách và đóng kiện.
 - + Chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá học, đá lô ca, đá chẻ,...).
 - + Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.
 - + Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Bãi lưu chứa đất tầng phủ, bãi chứa đá thành phẩm, bãi lưu chứa bột đá có khả năng gây cản trở dòng chảy, sạt lở, sa bồi, thủy phá vùng hạ lưu.
- Hoạt động khai thác và chế biến đá gây nguy cơ sạt lở, gây sa bồi thủy phá vùng hạ lưu; phát sinh nước thải (do nước mưa cuốn theo đất, đá thải) và tiếng ồn (do nổ mìn và của xẻ đá).
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu có nguy cơ gây bụi, ồn.
- Hoạt động sinh hoạt của người lao động tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt (chất thải rắn và nước thải).
- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thiết bị vận chuyển và khai thác gây phát sinh chất thải công nghiệp và nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải; bụi, khí thải

- Nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 3,52 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.
 - + Nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn thải (được tính cho ngày mưa lớn nhất) khoảng 5.216,4 m³/ngày.
 - + Nước thải từ hoạt động của xẻ đá trên khai trường (có lẫn bột đá) khoảng 0,3 m³/ngày.

+ Nước thải từ nhà máy cưa xẻ đá ốp lát khoảng 424 m³/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh trong quá trình khai thác, chế biến và vận chuyển sản phẩm.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 13,2 kg/ngày - 26,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

+ Chất thải rắn sản xuất: Đất bốc tầng phủ phát sinh khoảng 18.000 m³; bột đá phát sinh khoảng 750 m³/năm (trong đó, từ quá trình cưa xẻ đá khối tại mỏ đá khoảng 90 m³/năm và từ nhà máy cưa xẻ đá khoảng 660 m³/năm).

- Chất thải nguy hại phát sinh:

+ Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải, khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải, khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/năm.

+ Dầu nhớt thải bỏ khi sửa chữa xe, khối lượng phát sinh khoảng 100 lít/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác và chế biến đá, vận chuyển đá đến nơi tiêu thụ.

3.5. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại để thu gom và xử lý theo quy định.

b) Đối với nước mưa chảy tràn có kéo theo đất, đá, bùn thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước: Hệ thống mương nước xung quanh khu vực dự án dẫn về hồ lắng và mương thoát nước xung quanh sân công nghiệp: mương hở, kích thước (2m×1,5m), dài 1.262 m và hệ thống mương thoát hai bên tuyến đường vận chuyển.

- Hồ lắng phía Tây Nam sân công nghiệp dự án, có tọa độ VN2000, múi 3⁰, 108' (1.546.309 - 595.041). Thể tích khoảng 330 m³ (dài × rộng × sâu = 20m × 5,5m × 3m). Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 02 ngăn. Quy trình: Nước mưa → mương đào hở → Hồ lắng Tây Nam SCN → Suối phía Tây dự án.

- Hồ lắng phía Đông Nam sân công nghiệp dự án, có tọa độ VN2000, múi

$3^0, 108'$ (1.546.197 - 595.171). Thể tích khoảng 450 m^3 (dài \times rộng \times sâu = $25\text{m} \times 6\text{m} \times 3\text{m}$). Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 02 ngăn. Quy trình: Nước mưa \rightarrow mương đào hở \rightarrow Hồ lắng Đông Nam SCN \rightarrow Suối phía Tây dự án.

- Hồ lắng phía Tây Bắc dự án, có tọa độ VN2000, múi $3^0, 108'$ (1.546.495; 595.229). Thể tích khoảng 330 m^3 (dài \times rộng \times sâu = $20\text{m} \times 5,5\text{m} \times 3\text{m}$). Kết cấu: hồ đào; xung quanh có bờ bao gia cố kiên cố, chia làm 02 ngăn. Quy trình: Nước mưa \rightarrow mương đào hở \rightarrow Hồ lắng Tây Bắc \rightarrow Suối phía Tây dự án.

Nước thải sau xử lý sau các hồ lắng phải đạt cột B, quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ($K_q=0,9$, $K_f=1$).

c) Nước thải từ hoạt động cưa xẻ đá:

- Nước thải từ hoạt động cưa xẻ đá khối trên khai trường: Thu gom, dẫn về các thiết bị để lắng và tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước thải từ hoạt động cưa xẻ đá ốp lát tại xưởng cưa xẻ: Thu gom theo mương thoát nước hở (kết cấu bê tông xi măng, chống thấm) xung quanh xưởng dẫn về hồ xử lý, tái sử dụng, không thải ra môi trường. Thể tích hồ chứa khoảng 600 m^3 (dài \times rộng \times sâu = $20\text{m} \times 5\text{m} \times 6\text{m}$). Kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm, chia làm 6 ngăn, diện tích mỗi ngăn khoảng $16,6 \text{ m}^2$.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trên tuyến đường vận chuyển: Các xe vận chuyển che phủ bằng bạt, không để rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển; phối hợp với các đơn vị khai thác trong khu vực để có kế hoạch sử dụng xe chuyên dụng tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (có đi qua khu dân cư) với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng; định kỳ cải tạo, nâng cấp tuyến đường đảm bảo hoạt động giao thông trong khu vực.

- Tại khu vực khai thác, cưa xẻ đá: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; phun nước giảm bụi tại các khu vực dễ phát sinh bụi.

- Trồng cây xanh giảm thiểu bụi tại khu vực Nhà điều hành và một số vị trí phù hợp trong dự án và trên tuyến đường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Bố trí các thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt thông thường để thu gom tất cả rác thải sinh hoạt thông thường và phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Chất thải rắn sản xuất thông thường:

- Bọt đá trong quá trình cưa xẻ đá khối tại mỏ và Nhà máy cưa xẻ đá ốp lát có tổng khối lượng khoảng $750 \text{ m}^3/\text{năm}$, thu gom, xử lý như sau:

+ Bố trí khu vực chứa bột đá tại sân công nghiệp có dung tích chứa 7.500 m³ (dài × rộng × sâu = 100m × 15m × 5m), kết cấu: Hồ đào, có cos nền thấp hơn hiện trạng xung quanh 5 m, có bờ bao xung quanh để ngăn nước mưa chảy tràn xâm nhập vào hồ, định kỳ đầm chặt cô lập bằng lớp đất phủ. Thời gian lưu chứa bột đá khoảng 10 năm. Sau khi kết thúc lưu chứa, Công ty thực hiện san lấp bằng đất phủ, phục hồi môi trường theo đúng quy định.

+ Khi lượng bột đá đầy bãi lưu chứa (dự kiến từ năm khai thác thứ 11), sử dụng một phần để phục hồi môi trường tại các khu vực đã khai thác xong trong dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Chủ dự án có trách nhiệm đề xuất giải pháp cụ thể và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, thống nhất trước khi thực hiện.

- Đất bốc tầng phủ trong quá trình khai thác để phục hồi môi trường với khối lượng khoảng 21.523 m³ đất, bố trí bãi lưu chứa tại khu vực sân công nghiệp để phục hồi môi trường (dài × rộng × cao = 100m × 72m × 3m). Kết cấu bãi thải có kè chắn xung quanh và hệ thống thoát nước bãi thải.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại phía Nam sân công nghiệp, kết cấu như sau: Mặt sàn chống thấm, có mái che, có cửa (dán ký hiệu nhận biết), bên trong có trang bị các thiết bị lưu chứa (dán tên, mã chất thải nguy hại).

- Thực hiện thu gom tất cả chất thải nguy hại phát sinh tại dự án, đưa vào khu vực lưu chứa. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I	Khu vực khai thác (Tổng diện tích khai trường khai thác 2,64 ha)			
1	Giai đoạn 1: Khu vực đã kết thúc khai thác (0,7 ha) tại cos +36m			
1.1	Vận chuyển đất từ bãi thải đến san gạt mặt bằng.	4.200 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành	Kết thúc năm khai thác thứ 10

1.2	San gạt mặt bằng khu vực dự án.	4.200 m ³	trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	(triển khai và hoàn thành trong 30 ngày)
1.3	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha)	0,7 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
1.4	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	0,7 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	
2 Giai đoạn 2: Khu vực đã kết thúc khai thác (1,94 ha) tại cos +36m				
2.1	Vận chuyển đất từ bãi thải đến san gạt mặt bằng.	11.640 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh.	Năm khai thác thứ 20 (triển khai và hoàn thành trong 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc dự án)
2.2	San gạt mặt bằng khu vực dự án.	11.640 m ³	Đưa địa hình về trạng thái bằng phẳng để tiến hành trồng rừng, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	
2.3	Tháo dỡ rọ đá và kè chắn bãi thải.	349 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	
2.4	Lắp đặt cống thoát nước bên trong khu vực dự án sau khi kết thúc khai thác.	18 cống (D = 1.000cm; D = 2,5m/cống)	Đảm bảo thoát nước sau khi kết thúc khai thác.	
2.5	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha)	1,94 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
2.6	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	1,94 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	

II Khu vực ngoài khai thác (Tổng diện tích sân công nghiệp 1,04 ha)				
1.1	Vận chuyển đất từ bãi thải san lấp hồ lắng phía Tây Nam, Đông Nam và mương thoát nước.	5.682,6 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Kết thúc khai thác năm thứ 20 Kết thúc khai thác năm thứ 20
1.2	San lấp hồ lắng phía Tây Nam, Đông Nam và mương thoát nước.	5.682,6 m ³		
1.3	Tháo dỡ công trình (xưởng cửa xẻ, nhà vệ sinh, kho chứa chất thải nguy hại,..).	558 m ²		
1.4	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 1.600 cây/ha)	1,04 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác	
1.5	Cấm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	03 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
1.6	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	1,04 ha	- Giám sát chiều sâu khai thác. - Bản đồ địa hình khu vực dự án.	Kết thúc khai thác năm thứ 20

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **1.322.938.000 đồng** (Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 20 lần, cụ thể số tiền được làm tròn như sau:

+ Lần 1, số tiền: 264.588.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Các lần còn lại, số tiền: 55.703.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Khai thác đến đâu thì bóc đất tầng phủ đến đó, đảm bảo lớp phủ thực vật để chống xói mòn.

- Tuân thủ quy trình, phạm vi khai thác.

- Cấm các biển cảnh báo nguy hiểm cho người dân được biết tránh đến gần khu vực khai thác.

- Khi sự cố xảy ra lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động, thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân khắc phục sự cố. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình hoạt động dự án và bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát nước thải:

- 01 vị trí tại điểm đầu ra của hồ lắng phía Tây Nam Sân công nghiệp.

- 01 vị trí tại điểm đầu ra hồ lắng Đông Nam Sân công nghiệp.

- 01 vị trí tại điểm đầu ra hồ lắng phía Tây Bắc dự án.

- Thông số giám sát: pH, tổng chất rắn lơ lửng, Coliform; so sánh với cột B, quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp ($K_q=0,9$, $K_f=1$).

- Tần suất giám sát 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh:

- 01 điểm tại cổng ra vào khu vực dự án.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, CO, SO₂; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát thường xuyên vào mùa mưa sự cố sa bồi ảnh hưởng đến khu vực hạ lưu, suối cạn phía Tây dự án; giám sát khu lưu chứa chất thải bột đá, chất thải rắn khác theo đúng quy định.